

PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN

1. Nhận dạng

Mã định danh sản phẩm	Aquapel® Glass Treatment
Các hình thức nhận dạng khác	
Số bản thông tin an toàn	01-M
Mã sản phẩm	47100, 47101, 47102, 47103, 98990A, 98994, 98989A, 98991A, 98990FR, 98994FR, 94525, 47103, 47104, 47100
Công dụng đề nghị	Xử lý chống thấm nước mưa/nước cho bề mặt thủy tinh.
Các giới hạn đề nghị	Chưa được biết.
Thông tin về Nhà Sản Xuất/Nhập Khẩu/Cung Cấp/Phân Phối	Pittsburgh Glass Works, LLC 30 Isabella Street Suite 500 Pittsburgh, PA 15212 US info@pgwglass.com 1-800-861-4999
Hỗ Trợ Tổng Quát (8-5 M-F):	
Số điện thoại khẩn cấp	USA +1-760-476-3962 Châu Âu, Trung Đông, Châu Phi +1-760-476-3961 Châu Á - TBD +1-760-476-3960 Mã truy nhập 333225

2. Nhận diện các hiểm họa

Nguy cơ vật lý	Không được phân loại.	
Hiểm Họa Cho Sức Khỏe	Kích ứng/ăn mòn da	Loại 2
	Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau một lần tiếp xúc	Hạng 3 Các hiệu ứng ma túy
	Hiểm họa hít phải	Loại 1
Các nguy cơ môi trường	Nguy hiểm cho môi trường nước, hiểm họa cấp	Loại 2
	Nguy hiểm cho môi trường nước, hiểm họa lâu dài	Loại 2

Các thành phần của nhãn



Từ cảnh báo	Nguy hiểm
Công bố hiểm họa	Gây kích ứng da. Có thể gây thờ thẫn hoặc chóng mặt. Có thể độc hại nghiêm trọng và xâm nhập vào đường hô hấp. Độc cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài.
Thông điệp đề phòng	
Ngăn ngừa	Sử dụng găng tay bảo hộ/trang phục bảo hộ và kính mắt/kính che mặt bảo hộ. Tránh hít sương hoặc hơi. Chỉ dùng ngoài trời hoặc ở nơi thông gió tốt. Rửa kỹ sau khi thao tác. Tránh phát tán ra môi trường.
Cách đối phó	NẾU NUỐT PHẢI: Gọi ngay lập tức cho một TRUNG TÂM ĐỘC CHẤT hoặc bác sĩ. KHÔNG gây nôn. NẾU BỊ DÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều xà phòng và nước. Nếu bị kích ứng da: Tìm gặp bác sĩ để được hướng dẫn/chăm sóc. Cởi bỏ ngay quần áo bị ô nhiễm và giặt trước khi dùng lại. NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ngơi trong một tư thế dễ thở. Gọi cho một TRUNG TÂM ĐỘC CHẤT/bác sĩ nếu bạn thấy không được khỏe. Thu gom lượng tràn đổ.
Bảo Quản	Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ dụng cụ đựng thật kín. Bảo quản khóa chặt.

Thải loại	Vứt bỏ vật chứa bên trong/thùng chứa tuân theo các quy định địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại	Tiếp xúc trực tiếp với mắt có thể gây kích ứng nhất thời. Nuốt phải hoặc ói chất lỏng ra có thể sẽ dẫn đến bị hít phải vào phổi qua đường miệng. Các hạt của sản phẩm hít vào phổi khi ăn phải hoặc nôn ra có thể gây viêm phổi do hóa chất nghiêm trọng. Các dung môi hữu cơ có thể được hấp thụ vào cơ thể khi hít phải và gây tổn thương vĩnh viễn cho hệ thần kinh, kể cả não.

3. Thành phần/ thông tin về các phụ liệu

Các hỗn hợp

Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS	Nồng độ phần trăm (%)
Các phần cắt (dầu mỏ), nhẹ đã được xử lý bằng hydro		64742-47-8	60-100

Nhận xét cấu tạo Mọi hàm lượng đều được tính theo phần trăm trọng lượng trừ khi thành phần là chất khí. Nồng độ các chất khí được tính theo phần trăm thể tích.

4. Các biện pháp sơ cứu

Hít phải Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ nghỉ ngơi ở tư thế thoải mái. Nếu không thở, cho người đã được huấn luyện làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy.

Tiếp xúc với da Lập tức rửa bằng thật nhiều nước trong ít nhất 15 phút đồng thời cởi bỏ quần áo và giày bị ô nhiễm. Sử dụng xà phòng nếu có. Cần được chăm sóc y tế nếu kích ứng xuất hiện hoặc không hết. Giặt riêng quần áo trước khi sử dụng.

Tiếp xúc với mắt Lập tức rửa bằng nhiều nước trong thời gian đến 15 phút. Tháo tất cả các kính tiếp xúc và tách các mí mắt ra. Gặp y bác sĩ để được chăm sóc điều trị ngay nếu các dấu hiệu khó chịu vẫn tiếp tục.

Ăn phải **NẾU NUỐT PHẢI:** Gọi ngay lập tức cho một **TRUNG TÂM ĐỘC CHẤT** hoặc bác sĩ. Súc miệng thật kỹ. Nếu bị nôn, giữ đầu thấp để chất nôn từ dạ dày không đi vào phổi. Không bao giờ cho bất kỳ thứ gì vào miệng nạn nhân bất tỉnh hoặc co giật. Không làm nôn mà không có lời khuyên của trung tâm kiểm soát độc tố.

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm xuất hiện Hơi có thể gây buồn nôn, nhức đầu và/hoặc chóng mặt. Các triệu chứng bao gồm ngứa, nóng bỏng, đỏ và chảy nước mắt. Tiếp xúc nhiều lần và kéo dài có thể làm khô da và gây kích ứng da. Cảnh giác về các triệu chứng phù phổi (thở hỗn hển) có thể xuất hiện đến 24 giờ sau khi tiếp xúc.

Dấu hiệu cần phải được chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt Điều trị triệu chứng.

Thông tin tổng quát Giữ ấm cho nạn nhân. Đảm bảo rằng các nhân viên y tế nhận thức được (các) vật liệu liên quan, và thực hiện thận trọng để bảo vệ chính mình.

5. Các biện pháp cứu hỏa

Các chất chữa cháy phù hợp Bọt. Bộ khô. Carbon dioxide (CO2). Xịt Nước hoặc Phun Sương Nước

Chất chữa cháy không phù hợp Không dùng vòi xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ gây lan thêm lửa.

Hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất Trong khi cháy, các khí nguy hiểm cho sức khỏe có thể được hình thành.

Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy Chọn thiết bị bảo vệ hô hấp để chữa cháy: Thực hiện các biện pháp đề phòng hỏa hoạn chung có nêu tại nơi làm việc. Phải sử dụng thiết bị thở tự điều khiển và trang phục bảo hộ đầy đủ khi chữa cháy.

Các chỉ dẫn/trang thiết bị cứu hỏa Sử dụng bụi nước để làm mát các bình chữa không mở. Đưa các thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu bạn có thể làm mà không gặp nguy hiểm.

Các hiểm họa cháy nói chung Sản phẩm này không dễ cháy hoặc không cháy. Sẽ cháy nếu gặp lửa.

6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp Để xa những người không cần thiết. Dập tắt tất cả các nguồn lửa. Tránh các tia lửa, ngọn lửa, nhiệt và hút thuốc. Thông khí. Mang thiết bị và quần áo bảo hộ thích hợp trong khi dọn dẹp. Không chạm vào các dụng cụ đựng đã hư hỏng hoặc vật liệu tràn đổ trừ khi có sử dụng trang phục bảo vệ phù hợp. Thông khí cho các khu vực kín trước khi bước vào. Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được. Để xa các khu vực thấp.

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

Loại bỏ tất cả các nguồn lửa (không hút thuốc, không sử dụng pháo sáng, tia lửa điện hoặc ngọn lửa trần trong các khu vực kế cận). Sử dụng các biện pháp phòng ngừa phóng tĩnh điện. Chỉ sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa. Giữ cho các chất dễ cháy (gỗ, giấy, dầu, v.v...) tránh xa vật liệu tràn đổ.

Lượng Đổ Lớn: Ngăn dòng chảy vật liệu, nếu việc này không gây nguy hiểm. Đắp đê giữ vật liệu đã đổ, khi có thể. Sử dụng vật liệu không cháy như vermiculite, cát hoặc đất để thấm sản phẩm và đặt vào thùng chứa để vứt bỏ sau. Sau khi thu hồi sản phẩm, dùng nước xả sạch khu vực.

Lượng Đổ Nhỏ: Lau sạch bằng các vật liệu hút nước (ví dụ như khăn, bông). Làm sạch bề mặt cẩn thận để loại bỏ lượng ô nhiễm còn lại.

Không bao giờ bỏ chất đã đổ vào bao chứa ban đầu để tái sử dụng.

Không làm nhiễm bẩn nguồn nước.

Các biện pháp đề phòng cho môi trường

7. Xử lý và lưu trữ

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn

Sử dụng trang phục bảo hộ theo hướng dẫn trong Mục 8 của bản thông tin an toàn này. Tránh hít phải các thể sương hoặc hơi. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Không nếm hoặc nuốt vào. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này. Chỉ sử dụng khi có biện pháp thông khí đầy đủ. Trong trường hợp thiếu thông khí, phải sử dụng các phương tiện bảo vệ đường hô hấp. Rửa kỹ sau khi thao tác. Loại bỏ tất cả các nguồn lửa. Sử dụng các biện pháp phòng ngừa phóng tĩnh điện. Mọi thiết bị sử dụng khi thao tác với sản phẩm đều phải được tiếp đất. Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp. Giám sát thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh công nghiệp.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ

Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Bảo quản ở nơi mát. Để xa nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa - Không hút thuốc Lưu trữ tuân theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế. Chỉ bảo quản trong dụng cụ đựng ban đầu ở nơi mát, thông thoáng. Bảo quản xa các vật liệu tương kỵ (xem Mục 10 của Bản Thông Tin An Toàn Vật Liệu). Tránh xa thức ăn, thức uống và các thức ăn cho động vật. Không đựng trong các dụng cụ đựng hồ hoặc không có nhãn. Giữ xa tầm tay của trẻ em. Bảo vệ tránh ánh nắng trực tiếp.

8. Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân

Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp

Chưa có các giới hạn tiếp xúc nào đáng chú ý cho (các) thành phần.

Các giá trị giới hạn sinh học

Không có giới hạn tiếp xúc sinh học nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Sử dụng thiết bị chống nổ. Thực hiện thông hút đầy đủ toàn bộ và tại chỗ. Cung cấp nơi rửa mắt.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân

Biện pháp bảo vệ mắt/mặt

Đeo kính an toàn có gờ chắn bên (hoặc kính bảo hộ).

Bảo vệ da

Bảo vệ tay

Đeo găng tay bảo vệ. Nên sử dụng găng tay Nitril, nhưng cảnh giác chất lỏng có thể thấm qua găng tay. Nên thay găng thường xuyên. Nên tham khảo ý kiến nhà cung cấp găng tay để chọn găng thích hợp.

Khác

Mặc trang phục bảo hộ thích hợp. Nên sử dụng áo liền quần bảo hộ và ủng khi thao tác với các số lượng lớn hoặc trong các tình huống cấp cứu.

Bảo vệ hệ hô hấp

Nếu các biện pháp kiểm soát kỹ thuật không duy trì được nồng độ trong không khí dưới mức tiếp xúc đề nghị (nếu có áp dụng) hoặc mức có thể chấp nhận (ở các quốc gia chưa thiết lập các giới hạn tiếp xúc), và phải đeo mặt nạ phòng độc đã được phê chuẩn sử dụng. Trong trường hợp kém thông khí, hãy sử dụng thiết bị thở phù hợp có bộ lọc khí dùng cho khí hữu cơ.

Các hiểm họa nhiệt

Sử dụng trang phục bảo hộ chống nhiệt, khi cần thiết.

Các lưu ý vệ sinh chung

Không để văng vào mắt. Tránh tiếp xúc với da. Không để vật liệu này tiếp xúc với quần áo. Không ăn, uống, hút thuốc khi sử dụng. Để xa đồ ăn thức uống. Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp.

9. Các tính chất vật lý và hóa học

Ngoại Quan

Trạng thái vật lý

Chất lỏng.

Dạng

Chất lỏng.

Màu

Không Màu.

Mùi	Tương tự hydrocacbon.
Ngưỡng phát hiện mùi	Không có.
pH	Không có.
Điểm chảy/điểm đông	-77 °C (-106.6 °F)
Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu	218 - 257 °C (424.4 - 494.6 °F)
Điểm chớp cháy	> 94.0 °C (> 201.2 °F)
Tỉ lệ bay hơi	Không có.
Khả năng cháy (rắn, khí)	Không áp dụng.
Giới hạn cháy trên/dưới hoặc các giới hạn nổ	
Giới hạn cháy - dưới (%)	0.6
Giới hạn cháy - trên (%)	4.9
Giới hạn nổ – dưới (%)	Không có.
Giới hạn nổ – trên (%)	Không có.
Áp suất hơi	Không có.
Mật độ hơi	Không có.
Tỷ trọng tương đối	0.791 @ 15.6 °C (60.08 °F)
(Các) độ tan	
Tính tan (nước)	Không có.
Hệ số phân tách (n-octanol/nước)	Không có dữ liệu.
Nhiệt độ tự bốc cháy	> 200 °C (> 392 °F)
Nhiệt độ phân hủy	Không có.
Độ nhớt	Không có.

10. Tính ổn định và tính phản ứng

Khả năng phản ứng	Sản phẩm ổn định và không phản ứng trong các điều kiện bảo quản và vận chuyển bình thường.
Độ bền hóa học	Ổn định ở điều kiện bình thường.
Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hại	Không xảy ra quá trình polyme hóa nguy hại.
Các điều kiện cần tránh	Tiếp xúc với các vật liệu tương kỵ. Tránh nhiệt độ cao. Bảo vệ tránh ánh nắng trực tiếp.
Các vật liệu tương kỵ	Các chất oxy hóa mạnh, axit mạnh, và kiềm mạnh.
Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm	Cacbon oxit. Hydro clorua.

11. Thông tin độc học

Thông tin về các lộ trình tiếp xúc có khả năng xảy ra

Hít phải	Các hơi có thể kích ứng họng và hệ hô hấp và gây ho. Ở nồng độ cao, các hơi có tính gây mê và có thể gây nhức đầu, mệt mỏi, chóng mặt và buồn nôn.
Tiếp xúc với da	Gây kích ứng da.
Tiếp xúc với mắt	Tiếp xúc trực tiếp với mắt có thể gây kích ứng nhất thời.
Ăn phải	Có thể độc hại nghiêm trọng và xâm nhập vào đường hô hấp. Các hạt của sản phẩm hít vào phổi khi ăn phải hoặc nôn ra có thể gây viêm phổi do hóa chất nghiêm trọng.
Triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học và độc tính.	Các hơi có thể gây thờ thẫn và chóng mặt. Các triệu chứng bao gồm ngứa, nóng bỏng, đỏ và chảy nước mắt. Cảnh giác về các triệu chứng viêm phổi do hóa chất (hạt hơi) có thể xảy ra nhiều giờ sau khi tiếp xúc.

Thông tin về các tác dụng độc

Tính độc cấp	Các hơi có thể gây thờ thẫn và chóng mặt.
Kích ứng/ấn mòn da	Gây kích ứng da.
Tổn thương mắt nghiêm trọng/làm rát tấy mắt	Tiếp xúc trực tiếp với mắt có thể gây kích ứng nhất thời.

Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da

Gây mẫn cảm đường hô hấp	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
Gây mẫn cảm da	Sản phẩm này không được xem là gây mẫn cảm cho da.
Khả năng gây đột biến tế bào mầm	Không có dữ liệu cho thấy sản phẩm hoặc bất kỳ thành phần nào có trên 0.1% tác nhân gây đột biến hoặc tác nhân gây ngộ độc di truyền.
Tính gây ung thư	Sản phẩm này không được xem là một chất gây ung thư theo IARC, ACGIH, NTP, hoặc OSHA.
Độc tích sinh sản	Không chứa chất gây độc tới sinh sản.
Tính độc hại cho bộ phận đích cụ thể - tiếp xúc một lần	Có thể gây thờ thẫn hoặc chóng mặt.
Tính độc hại cho bộ phận đích cụ thể - tiếp xúc lặp lại	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
Hiểm họa hít phải	Có thể độc hại nghiêm trọng và xâm nhập vào đường hô hấp.
Ảnh hưởng mãn tính	Các dung môi hữu cơ có thể được hấp thụ vào cơ thể khi hít phải và gây tổn thương vĩnh viễn cho hệ thần kinh, kể cả não. Có thể gây rối loạn hệ thần kinh trung ương (ví dụ, lơ mơ khiến cho mất khả năng phối hợp, yếu ớt, mệt mỏi) và/hoặc tổn thương.

12. Thông tin sinh thái học

Độc tính sinh thái	Độc cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài.
Độ bền và khả năng phân hủy	Dự kiến sản phẩm sẽ không dễ bị phân hủy sinh học.
Khả năng tích tụ sinh học	Không có dữ liệu.
Lưu động trong đất	Không có dữ liệu.
Khả năng phát tán nói chung	Vật liệu không tan trong nước. Sản phẩm chứa các dung môi hữu cơ dễ bốc hơi từ tất cả các bề mặt.
Các tác dụng có hại khác	Sản phẩm chứa một có khả năng tạo ra ozon bằng phản ứng quang hóa.

13. Các lưu ý về tiêu hủy

Các Hướng Dẫn Thải Bỏ	Vứt bỏ vật chứa bên trong/thùng chứa tuân theo các quy định địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
Chất thải từ cặn lắng/ sản phẩm không sử dụng	Loại bỏ theo quy định của địa phương
Bao bì bị ô nhiễm	Vì các dụng cụ đựng đã cặn vẫn có thể còn lại cặn sản phẩm, thực hiện dán nhãn cảnh báo ngay cả sau khi dụng cụ đựng đã cặn. Hơi thừa có thể nổ khi bốc cháy, không cắt, khoan, mài, hoặc hàn dụng cụ đựng này hoặc gần dụng cụ đựng này.

14. Thông tin vận chuyển

IATA

UN number	UN3082
UN proper shipping name	Environmentally hazardous substance, liquid, n.o.s. (DISTILLATES (PETROLEUM), HYDROTREATED LIGHT)
Transport hazard class(es)	
Class	9
Subsidiary risk	-
Label(s)	9
Packing group	III
Environmental hazards	Yes
ERG code	9L
Special precautions for user	Read safety instructions, SDS and emergency procedures before handling.

IMDG

UN number	UN3082
UN proper shipping name	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (DISTILLATES (PETROLEUM), HYDROTREATED LIGHT)
Transport hazard class(es)	
Class	9
Subsidiary risk	-
Label(s)	9

Packing group	III
Environmental hazards	
Marine pollutant	Yes
EmS	F-A, S-F
Special precautions for user	Read safety instructions, SDS and emergency procedures before handling.
Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ Lục II của Hiệp Định MARPOL 73/78 và Quy Tắc IBC	Chất/hỗn hợp này không được dự định để vận chuyển với số lượng lớn.
Thông tin tổng quát	Sản phẩm này được miễn Số Lượng Hạn Chế vì kích thước đơn vị của nó nằm dưới ngưỡng liên quan. Có thể sẽ được hưởng quy định miễn Số Lượng Ngoại Lệ, tùy thuộc vào số lượng đơn vị chứa trong bao bì ngoài.

15. Thông tin pháp luật

Các quy định quốc gia

Các Chất Tiêu Hủy Tầng Ozon (ODS) Thông Tư Liên Ngành số 14/2005/TTLT-BTM-BTNMT

Không được quy định.

Các quy định quốc tế

Sản phẩm này được phân loại theo pháp luật hiện hành.

Montreal Protocol

Không áp dụng.

Hiệp Ước Stockholm

Không áp dụng.

Hiệp Ước Rotterdam

Không áp dụng.

Nghị định thư Kyoto

Không áp dụng.

Các Danh Mục Quốc Tế

Quốc gia hoặc khu vực

Tên kiểm kê

Đang lưu kho (có/không)*

Ôt-xtrây-li-a	Kiểm Kê Các Chất Hóa Học của Úc (AICS)	Không
Canada	Danh Sách Chất Sinh Hoạt (DSL)	Không
Canada	Danh Sách Các Chất Không Phải Sinh Hoạt (NDSL)	Có
Trung Quốc	Kiểm Kê Các Chất Hóa Học Hiện Hữu ở Trung Quốc (IECSC)	Có
Châu Âu	Danh mục Hóa Chất Thương Mại Hiện Hành của châu Âu (EINECS)	Có
Châu Âu	Danh Sách Các Chất Hóa Học Được Thông Báo của Châu Âu (ELINCS)	Không
Độ nhớt động học	Kiểm Kê Các Chất Hóa Học Mới và Hiện Hữu (ENCS)	Có
Hàn Quốc	Danh Sách Hóa Chất Hiện Hữu (ECL)	Không
Niu Di Lân	Kiểm Kê New Zealand	Có
Philippines	Kiểm Kê Các Hóa Chất và Chất Hóa Học (PICCS)	Không
Hoa Kỳ và Puerto Rico	Danh Mục Theo Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc (TSCA)	Có

*"Có" cho biết sản phẩm này phù hợp với các yêu cầu của danh mục do (các) quốc gia quản lý quản trị.

"No" cho biết một hoặc nhiều thành phần của sản phẩm không được nêu hoặc được miễn nêu trong danh mục do (các) quốc gia quản lý quản trị.

16. Thông tin khác, kể cả ngày soạn thảo hoặc sửa đổi

Ngày Ban Hành	13-Tháng Hai-2015
Ngày sửa đổi	-
Phiên bản số	01

Khước Từ Trách Nhiệm

Thông tin bổ sung có trong Phiếu Dữ liệu An toàn Hoá chất. Thông tin chứa trong bản thông tin này được dựa trên hiểu biết về khoa học và kỹ thuật hiện tại. Mục đích của thông tin này là để thu hút sự chú ý đến các khía cạnh sức khỏe và an toàn liên quan đến các sản phẩm do PGW cung cấp, và để đề nghị các biện pháp để phòng ngừa cho việc bảo quản và thao tác với các sản phẩm. Chúng tôi sẽ không nhận bất cứ trách nhiệm pháp lý nào về bất kỳ trường hợp nào không tuân thủ các biện pháp để phòng ngừa nêu trong bản thông tin an toàn này hoặc bất kỳ trường hợp nào sử dụng sản phẩm không đúng cách.